

PHỤ LỤC PHÂN BỐ
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023
KINH PHÍ TOÀN NGÀNH GIÁO DỤC CẤP THÀNH PHỐ QUẢN LÝ
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SGDĐT ngày tháng 12 năm 2022 của Sở GDĐT)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	Đơn vị	Mã ĐVQHNS	Loại, khoản	Mã kho bạc	Kho bạc giao dịch	Tổng cộng	Kinh phí tự chủ		Kinh phí không tự chủ	
							Trong đó:		Trong đó:	
							Tính chất	Tính chất	Tính chất	Tính chất
							0113	0114	0212	0214
1	Trường THPT Phan Châu Trinh	1006806	074	0161	Đà Nẵng	34.824.440	34.108.662		715.778	
2	Trường THPT Trần Phú	1006666	074	0161	Đà Nẵng	21.310.223	20.644.664		665.559	
3	Trường THPT Nguyễn Hiền	1070871	074	0161	Đà Nẵng	16.671.545	16.043.240		628.305	
4	Trường THPT Hòa Vang	1006802	074	0168	Cẩm Lệ	12.653.397	12.340.700		312.697	
5	Trường THPT Ông Ích Khiêm	1070487	074	0162	Hòa Vang	14.913.360	14.222.936		690.424	
6	Trường THPT Thái Phiên	1006569	074	0163	Thanh Khê	21.641.567	21.027.851		613.716	
7	Trường THPT Hoàng Hoa Thám	1006570	074	0164	Sơn Trà	14.450.389	14.098.829		351.560	
8	Trường THPT Ngô Quyền	1070725	074	0164	Sơn Trà	13.531.719	13.011.248		520.471	
9	Trường THPT Ngũ Hành Sơn	1070732	074	0165	Ngũ Hành Sơn	11.581.283	11.236.854		344.429	
10	Trường THPT Nguyễn Trãi	1070731	074	0166	Liên Chiểu	12.753.511	12.440.482		313.029	
11	Trường THPT Phạm Phú Thứ	1062985	074	0166	Liên Chiểu	12.395.090	11.615.923		779.167	
12	Trường THPT Phan Thành Tài	1069371	074	0162	Hòa Vang	13.166.794	12.472.564		694.230	
13	Trường THPT Tôn Thất Tùng	1041467	074	0164	Sơn Trà	13.322.529	12.842.350		480.179	
14	Trường THPT Nguyễn Thượng Hiền	1062837	074	0166	Liên Chiểu	12.292.424	11.755.123		537.301	
15	Trường THPT Thanh Khê	1026270	074	0163	Thanh Khê	12.362.842	11.968.843		393.999	
16	Trường THPT Cẩm Lệ	1114188	074	0168	Cẩm Lệ	11.189.214	10.696.584		492.630	
17	Trường THPT Liên Chiểu	1121951	074	0166	Liên Chiểu	9.553.240	9.177.919		375.321	
18	Trường THPT Võ Chí Công	1123991	074	0165	Ngũ Hành Sơn	7.364.562	7.016.274		348.288	
19	Trường THPT Sơn Trà	1127102	074	0164	Sơn Trà	9.210.968	8.799.596		411.372	
20	Trường THPT Lê Quý Đôn	1006801	074	0164	Sơn Trà	29.888.131	23.751.101		6.137.030	
21	Trường THCS-THPT Nguyễn Khuyến	1063083	074	0161	Đà Nẵng	15.573.577	15.079.111		494.466	
22	Trường THPT Nguyễn Văn Thoại	1130309	074	0168	Cẩm Lệ	8.186.027	7.854.462		331.565	

TT	Đơn vị	Mã ĐVQHNS	Loại, khoản	Mã kho bạc	Kho bạc giao dịch	Tổng cộng	Kinh phí tự chủ		Kinh phí không tự chủ	
							Trong đó:		Trong đó:	
							Tính chất	Tính chất	Tính chất	Tính chất
							0113	0114	0212	0214
23	Trung tâm GDTX số 1	1070733	075	0164	Sơn Trà	5.452.867	5.155.577		297.290	
24	Trung tâm GDTX số 2	1076373	075	0163	Thanh Khê	7.070.302	6.837.822		232.480	
25	Trung tâm GDTX số 3	1033043	075	0168	Cẩm Lệ	4.963.018	4.663.658		299.360	
26	Trường CB Tương Lai	1012109	072	0161	Đà Nẵng	8.602.192	8.194.157		408.035	
27	Trung tâm HTPTGDHN	1076378	072	0166	Liên Chiểu	9.798.445	8.932.470		865.975	
28	VP Sở Giáo dục và Đào tạo	1012275	341	0161	Đà Nẵng	10.459.000	7.845.000		2.614.000	
29	VP Sở Giáo dục và Đào tạo	1012275	098	0161	Đà Nẵng	150.194.344			150.194.344	
	* Tổng cộng					525.377.000	353.834.000	0	171.543.000	